TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **156/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2019
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Phan Phước Tân**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Huyền**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Ngọc D,** sinh năm: 1985; nơi cư trú: Tổ 09, ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1982; nơi cư trú: Khu dân cư Khánh An, ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang.

(Bà D có mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Huỳnh Ngọc D nộp đơn xin ly hôn với ông Huỳnh Văn T với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa bà và ông T được hình thành là do hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới vào năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm bà D nhiều lần

và cả hai đã ly thân khoảng 04 năm. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D xin ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà D và ông T có 02 con chung tên: Huỳnh Thị Như, sinh ngày 07/5/2003;Huỳnh Quỳnh Ngân, sinh ngày 24/5/2012, hiện hai cháu đang sống với bà D, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tại phiên tòa, bà D bảo lưu ý kiến của mình. Riêng ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án nhân thấy, bà D và ông T là vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, hai người có 02 con chung, qua kết quả xác minh thì ông T đi làm ăn xa, hiện con chung bà D đang nuôi, bà D yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung nợ chung khai không có, về quan hệ hôn nhân do các bên chưa đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên không công nhận bà D và ông T là quan hệ vợ chồng, từ những quan điểm trên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, Tòa án đã tiến hàng xác minh thu thập chứng cứ về sự vắng mặt của ông T, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông T không gây trở ngại cho việc xét xử; Căn cứ khoản 05 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành niêm yết xét xử vắng mặt ông Phong.

Bà Huỳnh Ngọc D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Huỳnh Văn T, xác định quan hệ tranh chấp "Hôn nhân và gia đình, xin ly hôn", bà D là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Ông T có nơi cư trú tại ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên xét thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bà D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, ông T vắng mặt. Xét thấy bà D và ông T sống chung sống với nhau từ

năm 2002 đến nay chưa đăng ký kết hôn do đó không được xem là hôn nhân hợp pháp nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Chứng cứ Tòa án thu thập được: Tại biên bản xác minh 13/02/2019 ông Phạm Thanh T – Trưởng ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang cho biết trước đây ông Huỳnh Văn T có nhà và sống với vợ ở tại tổ 09, ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông T về nhà cha mẹ ruột sống. Cũng tại biên bản xác minh cùng ngày 13/02/2019 ông Huỳnh Văn Trạo – Phó ấp An Khánh, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang cho biết ông Huỳnh Văn T có đăng ký hộ khẩu tại ấp An Khánh, xã Khánh An.

[4] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà D và ông T có 02 con chung tên Huỳnh Thị Như, sinh ngày 07/5/2003; Huỳnh Quỳnh Ngân, sinh ngày 24/5/2012.

Bà D có yêu cầu được nuôi hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ lúc ly thân cho đến nay thì cháu Như và cháu Ngân đều sống chung với bà D bên cạnh đó cháu Như cũng có nguyện vọng được sống chung với bà D nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà D và công nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi con, tuy nhiên ông T vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông T có yêu cầu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà D biết: Bà D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có. Do ông T vắng mặt nên Tòa án không giải quyết nếu sau này ông T có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Đều 15; Điều 16; Khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc D.**

Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Ngọc D và ông Huỳnh Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Bà D được nuôi hai con chung tên Huỳnh Thị Như, sinh ngày 07/5/2003; Huỳnh Quỳnh Ngân, sinh ngày 24/5/2012.

Công nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Bà D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dụng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010861 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà D đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/4/2019) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Huỳnh Văn T được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh ;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Phong Phi